

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST

Ngày 28/8/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Ông Đặng Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-KDTM ngày 22/4/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 10/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-KDTM ngày 30/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-KDTM ngày 15/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thanh T – Chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bà Rịa. (Theo văn bản ủy quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018)

Ủy quyền lại cho: Bà Tạ Thị Thu T – Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch Phước Tỉnh hoặc ông Hồ Quý T – Chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Phước Tỉnh. (Theo văn bản ủy quyền số 393/QĐ-QLRR ngày 15/8/2019 của Giám đốc Chi nhánh – Là Đại diện theo ủy quyền. (Bà Thu T có mặt)

Địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trần H, sinh năm 1976; Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1985; HKTT: phường P1, thị xã P2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Tạm trú: phường P3, thị xã P2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/8/2018 Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh BR (gọi tắt là Ngân hàng A) và ông Trần H, bà Trần Thị Ngọc P ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/11371687/HDTĐ. Nội dung hợp đồng ngân hàng cho ông H, bà P vay số tiền 8.500.000.000 đồng (Tám tỷ năm trăm triệu đồng). Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật tư xây dựng. Thời hạn vay là 11 tháng, tính từ ngày 21/8/2018 và ngày đáo hạn 21/7/2019. Lãi suất vay 9.2%/năm, lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần, ngày điều chỉnh là ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/11/2018. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh. Ngày quá hạn là ngày 22/7/2019. Tính đến ngày 28/02/2019 tổng nợ gốc, lãi và phí phải trả đến là **8.646.153.425 đồng**. Trong đó nợ gốc quá hạn: 8.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 146.153.425 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng.

Về tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên là các quyền sử dụng đất: diện tích 961 m² thuộc thửa D1; diện tích 137 m² thuộc thửa D2; diện tích 345 m² thuộc thửa D3; diện tích 281 m² thuộc thửa D4 cùng tờ bản đồ 26 tọa lạc tại xã P, huyện T (nay là phường P3, thị xã P2), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với số BM 638661 ngày 06/02/2013, vào sổ cấp GCN số CH 01915; số BM 638664 ngày 06/02/2013, vào sổ cấp GCN số CH 01917; số BB 095090 ngày 12/5/2010, vào sổ cấp GCN số CH 00206; số BM 638663 ngày 06/02/2013, vào sổ cấp GCN số CH 01916 do UBND huyện T (nay là thị xã P2) cấp cho bà Trần Thị Ngọc P. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11371687/HĐBĐ được công chứng tại Phòng công chứng PH ngày 20/8/2018 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hiện hợp đồng ông H, bà P đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng. Vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán cho ngân hàng tạm tính đến ngày 28/02/2019 là 8.646.153.425 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo đến khi thanh toán hết nợ.

Tại bản tự khai tính lãi bổ sung và tại phiên tòa Ngân hàng xác định phía bị đơn chưa thanh toán tiền nợ gốc mà chỉ thanh toán được 607.808.219 đồng tiền lãi tính đến ngày 27/8/2019. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà P thanh toán số tiền nợ gốc là 8.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 125.846.576 đồng, nợ lãi quá hạn là 124.076.712 đồng và phần lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông H, bà P phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Trần H, bà Trần Thị Ngọc P:

Quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ gửi cho Tòa án.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án giải quyết trong hạn luật định. Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng A – Chi nhánh BR với ông Trần H, bà Trần Thị Ngọc P đều có mục đích lợi nhuận, nay có phát sinh tranh chấp nên xác định quan hệ là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Tranh chấp phát sinh từ hoạt động của Chi nhánh và các bên lựa chọn Tòa án, căn cứ các Điều 30, 35, 39 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị đơn ông H, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Ngày 13/8/2018 Ngân hàng A – Chi nhánh BR (gọi tắt là Ngân hàng A) và ông Trần H, bà Trần Thị Ngọc P ký hợp đồng tín dụng số 01/2018/11371687/HĐTD. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: không thanh toán số tiền nợ gốc là 8.500.000.000 đồng, tiền lãi cộng dồn còn lại tính đến ngày 27/8/2019 là 249.923.288 đồng cho nguyên đơn theo như hợp đồng đã ký kết. Nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng được ký kết và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là các quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11371687/HĐBĐ ngày 13/8/2018 được công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Thông qua các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bất động sản thì thấy các hợp đồng trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về hình thức và nội dung.

[2.2] Thực hiện hợp đồng tín dụng ông H, bà P đã nhận đủ số tiền vay là 8.500.000.000 đồng (BL: 94, 95). Đến ngày 08/7/2019 ông H, bà P đã thanh toán nhiều lần cho ngân hàng được 607.808.219 đồng tiền. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bên vay phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng; lãi vay trả định kỳ một tháng một lần vào ngày 22 hàng tháng kể từ ngày 22/9/2018. Như vậy toàn bộ số tiền đã thanh toán là tiền lãi vay, số tiền nợ gốc phía bị đơn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xác định bị đơn còn nợ tiền gốc 8.500.000.000 đồng. Tính đến ngày 27/8/2019 tổng tiền lãi gộp còn nợ là 857.731.507 đồng. Từ ngày 28/9/2018 đến ngày 08/7/2019 bị đơn đã trả được tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn là 607.808.219 đồng. Từ ngày 08/7/2019 thì không thanh toán nữa. Tính đến ngày xét xử bị đơn còn nợ tiền lãi là 249.923.288 đồng, trong đó lãi trong hạn là 125.846.576 đồng, lãi quá hạn 124.076.712 đồng, theo thỏa thuận thì tiền lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất 9.2%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Theo nghĩa vụ thanh toán tiền lãi của bị đơn thì thấy: Đến thời điểm ngày 28/12/2018 bị đơn thực hiện đúng lịch trả lãi, nhưng từ thời điểm tháng 01/2019 thì không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền lãi phát sinh là vi phạm Điều 6 của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 8.500.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi còn lại tính đến ngày xét xử là 249.923.288 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở. Ngoài ra dựa vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp thấy rằng: Toàn bộ tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đều do vợ chồng ông H, bà P tạo dựng, quản lý sở hữu. Vì vậy, trường hợp bị đơn không thanh toán trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần buộc ông H, bà P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 27/8/2019 là 8.749.923.288 đồng. Trường hợp không thanh toán được nợ thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho khoản nợ vay.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn, thông báo về việc giao nộp ý kiến, giao nộp chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, số tiền này Ngân hàng đã đóng tạm ứng, vì vậy bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm là: $112.000.000đ + (0,1\% \times 4.749.923.288đ) = 116.749.900$ đồng, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, Điều 40; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tuyên xử:

1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Trần H và bà Trần Thị Ngọc P.

Buộc ông Trần H và bà Trần Thị Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/11371687/HĐTD ngày 13/8/2018 là 8.749.923.288 đồng (*Tám tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng*); Trong đó tiền nợ gốc là 8.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 125.846.576 đồng, lãi quá hạn là 124.076.712 và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 27/8/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Trần H và bà Trần Thị Ngọc P không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BM638661, BM 638664, BM 095090, BM638663 do UBND huyện T (nay là thị xã P) cấp ngày 06/02/2013 - 06/02/2013 - 12/05/2010 - 06/02/2013 cho bà Trần Thị Ngọc P và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

(Theo biên bản thẩm định tài sản do Tòa án lập ngày 17/6/2019)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần H, bà Trần Thị Ngọc P phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho Ngân hàng A.

3. Về án phí: Buộc ông Trần H, bà Trần Thị Ngọc P phải nộp 116.749.900 đồng (*Một trăm mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.323.000đ (*Năm mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008237 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc

thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh